

Bản án số: 01/2017/HSST
Ngày 31/10/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hoà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Thức và ông Sa Văn Linh.

- Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Ngô Huyền Trang, Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: Ông Lê Duy Hưng, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2017/HSST ngày 03/10/2017, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2017/HSST-QĐ ngày 20/10/2017 đối với bị cáo:

Sa Văn H, sinh ngày 27 tháng 6 năm 1997; tại: huyện B, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản C, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hoá: lớp 02/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; con ông Sa Văn B, sinh năm 1973 và con bà Đinh Thị M, sinh năm 1967; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Ngày 19/5/2016 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La xử phạt 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 25/9/2015 Chủ tịch UBND xã P ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã 03 tháng về hành vi trộm cắp tài sản; ngày 17/10/2015 H bị Công an xã P huyện B tỉnh Sơn La xử phạt vi phạm hành chính về an ninh trật tự (trộm cắp tài sản); bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/7/2017 đến nay; có mặt tại phiên toà.

Người bị hại: Thào A C, sinh ngày 05/01/1999; nơi cư trú: bản T, xã P, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

Người làm chứng:

Chu Văn T, sinh năm 1986; nơi cư trú: Tiểu khu 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

Đinh Thị M, sinh năm 1967; nơi cư trú: Bản C, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 16/5/2017, Sa Văn H đi bộ đến khu nhà trọ của ông Hà Văn K ở bản P, thị trấn B, huyện B. Đến nơi, khoảng 13 giờ H thấy cửa phòng trọ Thào A C đang mở, nhìn vào trong phòng thấy có 02 chiếc điện thoại di động: 01 chiếc mặt trước màu đen, mặt sau màu trắng đang sạc pin đặt trên bàn, 01 chiếc màu đen đặt trên giường ngủ. Quan sát thấy không có người, H liền đi vào trong phòng rút sạc pin và lấy 02 chiếc điện thoại đút vào túi quần bên phải H đang mặc rồi đi ra; khi đi ra đến cửa phòng trọ thì chiếc điện thoại màu đen trong túi quần rơi xuống nền nhà và bị vỡ; H nhặt chiếc điện thoại lên rồi mang đến quán sửa chữa điện thoại của anh Chu Văn T để hỏi bán. Trong lúc đang hỏi bán 02 chiếc điện thoại thì H bị Thào A C đang đi tìm phát hiện, báo Công an thị trấn B đến lập biên bản bắt giữ và thu giữ vật chứng với H.

Anh Thào A C có đơn đề nghị cơ quan chức năng điều tra xử lý, yêu cầu Sa Văn H phải bồi thường khắc phục 01 chiếc điện thoại bị H làm hỏng.

Ngày 28/6/2017, Hội đồng định giá tài sản huyện Bắc Yên kết luận về giá trị tài sản: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu LG có trị giá: 500.000 VNĐ; 01 chiếc điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu GRETEL có trị giá: 600.000 VNĐ; Tổng trị giá 02 chiếc điện thoại là: 1.100.000 VNĐ. Trị giá tài sản bị hư hỏng 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu LG có trị giá: 100.000 VNĐ; Chiếc điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu GRETEL có trị giá: 600.000 VNĐ. Tổng cộng là: 700.000 VNĐ.

Ngày 24/05/2017 bà Đinh Thị M (mẹ đẻ H) đã thoả thuận và bồi thường thiệt hại cho bị hại Thào A C số tiền 450.000 VNĐ.

Ngày 31/08/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả lại 02 chiếc điện thoại thu giữ cho Thào A C.

Bản cáo trạng số 19/KSĐT-KT ngày 02/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Sa Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu đó là do nhận thức hạn chế, không có tiền chi tiêu, đã nảy sinh ý định và thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo xin được hưởng sự khoan hồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Ngày 16/5/2017 Sa Văn H đã lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Thào A C có giá trị 1.100.000VNĐ mang đi bán để lấy tiền chi tiêu cho bản thân, hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Sa Văn H. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Sa Văn H từ 12 đến 18 tháng tù; không áp dụng phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo. Chấp nhận gia đình bị cáo đã bồi thường số tiền 450.000VNĐ

cho Thào A C; chấp nhận cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ và trả lại 02 chiếc điện thoại di động cho anh Thào A C.

Bị cáo Sa Văn H tự bào chữa, tranh luận: nhất trí với cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B; xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng mức án thấp nhất.

Người bị hại anh Thào A C có đơn xin xét xử vắng mặt, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người khác không có ý kiến, khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Người bị hại anh Thào A C có đơn đề nghị xử vắng mặt; Hội đồng xét xử thấy lời khai có trong hồ sơ đã rõ, việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên quyết định xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 191 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo H theo tội danh và điều luật áp dụng là đúng người, đúng tội; tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội quy kết bị cáo H phạm tội và đề nghị phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với lời tự bào chữa của bị cáo và có cơ sở để khẳng định: Ngày 19/5/2016 bị cáo H bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” chấp hành xong hình phạt ngày 24/10/2016 về địa phương nhưng H không tiếp tục rèn luyện bản thân mà vào khoảng 13 giờ ngày 16/5/2017 bị cáo H đã lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của chủ sở hữu lén lút chiếm đoạt tài sản là 02 chiếc điện thoại di động (01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu LG màu đen và 01 điện thoại di động, nhãn hiệu GRETEL) của anh Thào A C, mang đi tiêu thụ thì bị phát hiện bắt giữ. Kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐG ngày 28/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện B: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu LG có trị giá là 500.000 VNĐ; 01 chiếc điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu GRETEL có trị giá là 600.000 VNĐ; Tổng trị giá 02 chiếc điện thoại là 1.100.000 VNĐ.

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 64 Bộ luật Hình sự năm 1999 và điểm b khoản 2 Điều 70 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì hành vi phạm tội của Sa Văn H thực hiện trong thời gian chưa được xóa án tích. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung cáo

trạng, biên bản xác định hiện trường, lời khai người bị hại, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập và phản ánh trong hồ sơ của vụ án, được thẩm tra, xác minh tại phiên toà. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Sa Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 “Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, tuổi còn rất trẻ, đã được giáo dục, cải tạo rèn luyện bản thân nhưng không thấy đó làm bài học và lao động làm ăn lương thiện để phát triển kinh tế gia đình mà ý thức coi thường kỷ cương xã hội, pháp luật của Nhà nước, ăn chơi đua đòi, thích hưởng thụ bằng tài sản của người khác; đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu lén lút chiếm đoạt tài sản, mục đích bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm bị cáo thực hiện đã hoàn thành, hậu quả xảy ra không những xâm phạm quyền sở hữu, làm thiệt hại về tài sản của anh C mà còn làm ảnh hưởng đến chính sách về giáo dục người phạm tội của Nhà nước, ảnh hưởng xấu về trật tự an toàn xã hội, trật tự trị an ở địa phương. Xét thấy cần phải áp dụng một mức án phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên cũng xem xét khoan hồng cho bị cáo khi quyết định hình phạt đó là phạm tội ít nghiêm trọng, không có tình tiết tăng nặng (Hành vi chiếm đoạt chưa được xóa án tích nhưng tình tiết đó đã là yếu tố định tội, định khung); tích cực bồi thường (bị cáo đã đã tác động gia đình bồi thường 450.000VNĐ cho người bị hại); gây thiệt hại không lớn (tài sản được thu hồi); thành khẩn khai báo (khai đầy đủ, đúng sự thật tất cả những gì liên quan đến hành vi phạm tội), bị cáo là dân lao động, người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, xa, vùng ba, nhận thức pháp luật hạn chế, tuổi đời còn rất trẻ cần thiết giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh trở thành công dân có ích cho xã hội. Do đó, xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, g, p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng chưa ăn năn hối cải, nhân thân bị cáo xấu, không có khả năng tự cải tạo nên cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để đảm bảo cho việc giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội và cũng nhằm răn đe, phòng ngừa, giáo dục chung hành vi tương tự.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, có căn xác định bị cáo thu nhập từ trồng trọt thấp, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về biện pháp ngăn chặn: cần áp dụng Điều 228 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm việc thi hành án; bị cáo bị tạm giam từ ngày 12/7/2017 được xem xét khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

Đối với Chu Văn T là người được H hỏi bán tài sản nhưng chưa thực hiện giao dịch và không biết nguồn gốc là do phạm tội mà có nên không xử lý về hình sự theo vụ án này.

Về trách nhiệm dân sự: anh Thào A C đã nhận được tiền bồi thường thiệt hại tài sản là 450.000 VNĐ nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại tài sản gì thêm và không ai đề nghị Toà án ghi nhận việc bồi thường trên.

Vật chứng của vụ án: 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu LG màu đen và 01 điện thoại di động, nhãn hiệu GRETEL màu trắng là tài sản của anh Thào A C; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B thu giữ và trả lại chủ sở hữu là đúng thẩm quyền, có căn cứ khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 và điểm b khoản 2, 3 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về án phí: không có tài liệu chứng minh bị cáo thuộc trường hợp được xét miễn giảm án phí, do đó buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Sa Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 33; điểm b, g, p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt Sa Văn H 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 12/7/2017; không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo.

Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: buộc Sa Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000VNĐ (Hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (31/10/2017). Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện B;
- CA huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND, CA xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ; Đ/c Trang.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hoà

